

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước  
thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết về thi hành Luật Điện lực về an toàn điện; Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

*Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 357/TTr-STNMT ngày 11 tháng 10 năm 2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

### **Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2024.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 và Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ và Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 và Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

3. Quy định chuyên tiếp

Đối với trường hợp đã thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất mà chưa có quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo trong trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai năm 2024 và quy định này.

### **Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

#### **Nơi nhận:**

- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra VB);
- Ủy ban nhân dân các huyện, TX, TP;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Yên Bái, Đài PT&TH tỉnh Yên Bái;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TNMT (.....).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Huy Tuấn**

**QUY ĐỊNH****Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất  
trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

(Kèm theo Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

**Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định chi tiết khoản 2 Điều 108, khoản 5 Điều 109, khoản 7 Điều 111 và khoản 10 Điều 111 của Luật Đất đai năm 2024; khoản 3 Điều 4, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 17, khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 19, khoản 6 Điều 20, Điều 21, khoản 3 Điều 22, khoản 2 Điều 23, khoản 1 và khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 2 Điều 39 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 13 Điều 1 Nghị định số 51/2020/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

- Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai và công chức làm công tác địa chính ở cấp xã; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
- Người có đất thu hồi và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi.
- Các đối tượng khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

**Chương II****QUY ĐỊNH CỤ THỂ****Điều 3. Điều kiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi để bồi thường cho người có đất thu hồi, tỷ lệ quy đổi**

- Điều kiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Người có đất thu hồi có đề nghị bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi;

b) Địa bàn cấp huyện nơi có đất thu hồi phải có quỹ đất để bồi thường và phù hợp với quy hoạch;

c) Thửa đất thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất;

d) Diện tích đất bồi thường sau quy đổi không nhỏ hơn diện tích tối thiểu được phép tách thửa của loại đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Tỷ lệ quy đổi xác định như sau:

$$T_{qd} = \frac{G_{bt}}{G_{th}}$$

Trong đó:

$T_{qd}$  : Tỷ lệ quy đổi

$G_{bt}$ : Giá đất của thửa đất để bồi thường bằng đất.

Trong đó:

Đất nông nghiệp và đất ở tính theo bảng giá đất của thửa đất bồi thường bằng đất;

Đất thương mại, dịch vụ và đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

$G_{th}$ : Giá đất của thửa đất thu hồi theo giá đất cụ thể. Trường hợp thửa đất nhiều thửa đất có giá khác nhau thì tính bằng trung bình cộng giá của các thửa đất thu hồi.

3. Sau khi thực hiện quy đổi từ đất nông nghiệp sang đất ở thì diện tích đất ở được quy đổi không quá 200,0 m<sup>2</sup>. Đối với các loại đất khác được tính theo tỷ lệ quy đổi thực tế.

4. Người có đất thu hồi được bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi mà có chênh lệch giá trị giữa tiền bồi thường, hỗ trợ về đất với tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp khi được giao đất, thuê đất khác thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất thu hồi có trách nhiệm xác định quỹ đất để bồi thường bằng văn bản để gửi đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

6. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên cơ sở quỹ đất của địa phương để xác định tỷ lệ quy đổi làm cơ sở lập phương án trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

7. Việc tính tỷ lệ quy đổi được minh họa chi tiết tại phụ lục số I ban hành kèm theo quy định này.

**Điều 4. Mức bồi thường đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật chuyên ngành**

1. Mức bồi thường nhà, công trình xây dựng khác quy định tại điểm b khoản 2 Điều 102 Luật Đất đai bằng tổng giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại cộng với một khoản tiền bằng 20% theo giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng đó, nhưng mức bồi thường không quá 100% giá trị xây dựng mới của nhà, công trình xây dựng có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại.

Giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP.

2. Mức bồi thường cụ thể đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật chuyên ngành thì mức bồi thường cụ thể thực hiện theo quy định tại Bộ đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất và mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

**Điều 5. Mức bồi thường, hỗ trợ đối với mồ mả trong phạm vi đất thu hồi phải di dời**

1. Đối với mồ mả trong phạm vi đất thu hồi phải di dời thì được bồi thường các chi phí bao gồm: chi phí đào, bốc, di dời, xây dựng mới và các chi phí hợp lý khác có liên quan trực tiếp để di dời mồ mả đến vị trí mới trong nghĩa trang theo quy hoạch của địa phương; mức bồi thường thực hiện theo Bộ đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất và mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trường hợp người có mồ mả phải di chuyển mà tự bố trí để di chuyển mồ mả thì được hỗ trợ bằng tiền, mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/01 mồ mả;

2. Các trường hợp đặc biệt, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định bồi thường đối với từng trường hợp cụ thể theo đề nghị của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cơ quan thẩm định.

**Điều 6. Mức bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đối với người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước**

Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ thì người đang thuê nhà không

được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu nhà nước và diện tích coi nói trái phép, nhưng được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp theo quy định. Mức bồi thường là 100% chi phí đã đầu tư theo Bộ đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất và mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

### **Điều 7. Việc xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại trong trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại không có hồ sơ, chứng từ chứng minh**

#### 1. Trình tự xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại

a) Đối tượng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Luật Đất đai mà không có hồ sơ, chứng từ chứng minh có đơn đề nghị được xác định các khoản chi phí đầu tư vào đất còn lại gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi và đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Nội dung đơn cần xác định rõ các khoản chi phí đầu tư vào đất còn lại theo khoản 1 Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP đối với từng thửa đất, loại đất, diện tích, thời điểm, mục đích đầu tư kèm theo văn bản hoặc đơn đề nghị đã gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại thời điểm đầu tư vào đất, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật với nội dung kê khai.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi có trách nhiệm chủ trì phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tổ chức kiểm tra, xác minh các nội dung theo đơn đề nghị. Sau đó tổ chức họp trực tiếp với đối tượng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đã có đơn đề nghị được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại mà không có hồ sơ, chứng từ chứng minh;

Thành phần cuộc họp bao gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Trưởng thôn (hoặc Trưởng bản, Tổ trưởng Tổ dân phố), đại diện các Tổ chức, đoàn thể chính trị xã hội có liên quan nơi có đất thu hồi cùng với đối tượng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại và các thành phần khác biết rõ về việc đầu tư vào đất;

Nội dung cuộc họp: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo kết quả xác minh các khoản chi phí đầu tư vào đất còn lại theo nội dung đơn đề nghị, lấy ý kiến của những người dự họp về kết quả xác minh các khoản chi phí đầu tư vào đất còn lại.

Việc tổ chức lấy ý kiến phải được lập thành biên bản có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và tất cả những thành phần tham dự cuộc họp.

c) Căn cứ biên bản cuộc họp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi có văn bản xác nhận các khoản chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với từng thửa đất gửi đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại.

2. Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền căn cứ đề nghị của cơ quan thẩm định quyết định phê duyệt giá trị bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại.

### **Điều 8. Bồi thường thiệt hại về đất do hạn chế khả năng sử dụng đất**

Việc bồi thường thiệt hại về đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn mà không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất thì mức bồi thường thiệt hại bằng 80% giá trị bồi thường đối với diện tích đất ở và đất phi nông nghiệp không phải là đất ở tính trên diện tích đất hạn chế khả năng sử dụng, 50% giá trị bồi thường đối với diện tích đất rừng sản xuất tính trên diện tích đất bị hạn chế khả năng sử dụng và 30% giá trị bồi thường đối với diện tích đất trồng cây lâu năm tính trên diện tích đất bị hạn chế khả năng sử dụng.

### **Điều 9. Bồi thường, hỗ trợ nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt**

1. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân có một phần diện tích hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không điện áp đến 220kV, được xây dựng trên đất có đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền thì được bồi thường, hỗ trợ bằng 70% giá trị phần nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt theo bộ đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường, hỗ trợ.

2. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân có một phần diện tích hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không điện áp đến 220kV được xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai nhưng thực tế đã xây dựng nhà, công trình phục vụ sinh hoạt trước khi thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền thì được hỗ trợ thiệt hại bằng 40% giá trị theo bộ đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường, hỗ trợ.

3. Các trường hợp đặc biệt, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể theo đề nghị của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cơ quan thẩm định.

### **Điều 10. Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất**

1. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống như sau:



a) Thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 02 tháng;

b) Thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng;

c) Thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 04 tháng;

d) Trường hợp phải di chuyển chỗ ở thì thời gian hỗ trợ bằng 02 lần thời gian hỗ trợ quy định tại các điểm a, b và c khoản này;

đ) Trường hợp phải di chuyển chỗ ở đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ bằng 03 lần thời gian hỗ trợ quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hoặc do nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản từ các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và có hợp đồng giao khoán sử dụng đất thì được hỗ trợ ổn định đời sống như sau:

a) Trường hợp thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa là 24 tháng.

c) Trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa là 36 tháng;

3. Diện tích đất nông nghiệp thu hồi để tính hỗ trợ ổn định đời sống quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này là diện tích trong phạm vi xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi tại thời điểm có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và được xác định theo từng dự án thu hồi đất, không cộng dồn diện tích đất nông nghiệp thu hồi của các dự án thu hồi đất trước đó.

4. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo trong 01 tháng theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương.

5. Về giá gạo được áp dụng theo giá gạo tẻ thường tại báo cáo giá thị trường hàng tháng của Sở Tài chính tại thời điểm phê duyệt phương án hỗ trợ;

6. Tiền hỗ trợ ổn định đời sống được chi trả 01 lần cùng với việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

**Điều 11. Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất**

1. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh.

a) Hỗ trợ 01 lần bằng tiền mua giống cây trồng, giống vật nuôi, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp trên diện tích đất được bồi thường bằng đất. Mức hỗ trợ bằng 30% giá trị bồi thường cây trồng, vật nuôi trên diện tích đất đã được thu hồi;

b) Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm lập phương án hỗ trợ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

2. Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh bằng tiền, mức hỗ trợ bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó; trường hợp thời gian kinh doanh chưa được 03 năm thì tính theo mức thu nhập bình quân (tính theo năm) từ khi bắt đầu kinh doanh (theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) đến thời điểm thu hồi đất;

3. Đối với tổ chức bị phá dỡ một phần nhà, công trình xây dựng mà không ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh, dịch vụ thì không được hỗ trợ ổn định sản xuất;

4. Đối với hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phải ngừng sản xuất kinh doanh do bị phá dỡ nhà, công trình xây dựng, không xác định được thu nhập sau thuế nhưng có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký thuế tại nơi kinh doanh theo quy định của pháp luật về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, được cơ quan thuế địa phương xác nhận thì được hỗ trợ ổn định sản xuất 2.400.000 đồng/hộ gia đình.

5. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc như sau:

a) Người lao động được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định tại khoản 3 Điều 99 Bộ Luật Lao động; Mức hỗ trợ bằng tiền lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định theo từng thời điểm và hỗ trợ các khoản kinh phí

phần doanh nghiệp phải đóng cho người lao động bao gồm: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn theo quy định của Bộ Luật Lao động;

b) Thời gian tính hỗ trợ là thời gian ngừng sản xuất kinh doanh được xác định theo thực tế, nhưng tối đa không quá 06 tháng và do đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xác định, cơ quan thẩm định xem xét trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định cho từng dự án cụ thể.

6. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản từ các nông, lâm trường quốc doanh, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và có hợp đồng giao khoán sử dụng đất thì được hỗ trợ ổn định sản xuất theo hình thức hỗ trợ bằng tiền. Mức hỗ trợ bằng 50% giá đất theo quy định trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhân với diện tích đất nông nghiệp thực tế thu hồi nhưng không vượt quá 10.000 m<sup>2</sup>/dự án; trường hợp một hộ gia đình, cá nhân thu hồi đất nhiều lần để thực hiện nhiều dự án thì tổng diện tích các loại đất nông nghiệp được hỗ trợ không vượt quá 5 ha. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi lập sổ theo dõi diện tích được hỗ trợ của hộ gia đình, cá nhân trong từng dự án và lưu trữ lâu dài để thực hiện theo quy định tại khoản này.

7. Tiền hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh được chi trả 01 lần cùng với việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

**Điều 12. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian chờ bố trí tái định cư đối với người có đất ở thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị**

1. Thời gian hỗ trợ tiền thuê nhà (tạm cư)

a) Đối với trường hợp được bồi thường bằng đất ở, bồi thường nhà ở tại chỗ được hỗ trợ tiền thuê nhà theo thời gian phát sinh thực tế nhưng không ít hơn 06 tháng;

2. Mức hỗ trợ

a) Hộ gia đình có từ 01 đến 03 nhân khẩu được hỗ trợ tiền thuê nhà theo công thức tính sau đây:

Mức hỗ trợ tiền thuê nhà = Mức lương tối thiểu vùng quy định tại thời điểm hỗ trợ x 06 tháng.

b) Hộ gia đình có từ 04 nhân khẩu trở lên sẽ được hỗ trợ tiền thuê nhà nhưng tối đa không vượt quá 06 nhân khẩu/ hộ gia đình theo công thức tính sau đây:

Mức hỗ trợ tiền thuê nhà = Số lượng nhân khẩu x 0,3 lần mức lương tối thiểu vùng quy định tại thời điểm hỗ trợ x 06 tháng.

3. Nhân khẩu được hỗ trợ tiền thuê nhà là số nhân khẩu có tên trong giấy xác nhận thông tin về cư trú tại nơi có đất thu hồi do cơ quan Công an xác nhận tại thời điểm họp công bố kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm.

**Điều 13. Cơ chế thưởng đối với hộ gia đình, cá nhân, tổ chức kinh tế bàn giao mặt bằng trước thời hạn**

1. Hộ gia đình, cá nhân, tổ chức kinh tế mà đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản trên đất trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung khu dân cư nơi có đất thu hồi mà bàn giao mặt bằng cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được thưởng bằng 3% (ba) tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản trên đất nhưng tối đa không quá 15 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân, tổ chức kinh tế.

2. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm tổng hợp danh sách, kinh phí thưởng cho hộ gia đình, cá nhân, tổ chức kinh tế có đất thu hồi đã bàn giao mặt bằng trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và chi trả theo quy định.

3. Kinh phí thưởng được sử dụng từ nguồn kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của công trình, dự án.

**Điều 14. Suất tái định cư tối thiểu**

Suất tái định cư tối thiểu được quy định bằng đất ở, nhà ở hoặc bằng tiền để đảm bảo phù hợp với nhu cầu của người có đất thu hồi theo quy định tại khoản 8 Điều 111 như sau:

1. Suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở
  - a) Tại các phường và thị trấn là 80,0 m<sup>2</sup>;
  - b) Tại các xã là 120,0 m<sup>2</sup>.

2. Suất tái định cư tối thiểu bằng nhà ở

Diện tích nhà ở không lớn hơn 03 lần diện tích căn hộ tối thiểu nhưng không nhỏ hơn 01 lần diện tích căn hộ tối thiểu theo quy định của pháp luật về nhà ở.

3. Suất tái định cư tối thiểu bằng tiền

Giá trị suất tái định cư tối thiểu bằng tiền được xác định bằng diện tích suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều này nhân với giá đất ở thấp nhất tại nơi bố trí tái định cư.

**Điều 15. Hỗ trợ giao đất ở có thu tiền sử dụng đất**

1. Trường hợp trong hộ gia đình thu hồi đất ở có nhà ở mà có nhiều thế hệ hoặc nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất nếu đủ điều kiện để

tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở có nhà ở thu hồi mà diện tích đất ở được bồi thường bằng đất không đủ để tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh để giao riêng cho từng hộ gia đình thì được xem xét hỗ trợ giao cho các hộ gia đình còn thiếu mỗi hộ 01 lô đất ở có thu tiền sử dụng đất tại nơi bố trí tái định cư nhưng không vượt quá 03 lô đất.

2. Hộ gia đình được xét hỗ trợ giao đất ở quy định tại khoản 1 Điều này phải cùng chung sống tại thửa đất ở thu hồi và không có đất ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi.

3. Các thành viên trong hộ gia đình có nhiều thế hệ hoặc nhiều cặp vợ chồng hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng đất đang cùng chung sống trên thửa đất thu hồi tại thời điểm họp công bố kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và được cơ quan Công an xác nhận tên từng thành viên trong giấy xác nhận thông tin về cư trú.

### **Điều 16. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng tiền đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất**

Mức hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 109 Luật Đất đai được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng tiền, mức hỗ trợ bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương theo quy định tại Điều 176 Luật Đất đai, trừ đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này.

### **Điều 17. Hỗ trợ di dời vật nuôi**

1. Các trường hợp hỗ trợ di dời vật nuôi:

Hỗ trợ cho chủ sở hữu vật nuôi hợp pháp có vật nuôi phải di dời, vật nuôi đã được nuôi trước ngày họp công bố kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Biện pháp hỗ trợ:

a) Hỗ trợ chi phí di dời vật nuôi, gồm: Chi phí vận chuyển, nhân công, bốc dỡ và vật tư di dời vật nuôi.

b) Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xác định trọng lượng vật nuôi thực tế phải di dời bằng phương pháp cân trực tiếp.

c) Đối với những vật nuôi phải di dời nhưng không xác định được khối lượng vật nuôi (Dê, Ong, Ruồi lính đen) thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xác định chi phí di dời thực tế trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Mức hỗ trợ di dời vật nuôi:

a) Mức hỗ trợ di dời vật nuôi được tính theo công thức sau:  $M = N \times P$ .

Trong đó:

+ M là mức hỗ trợ di dời vật nuôi.

+ N chi phí di dời cho một tấn vật nuôi. Chi phí di dời (N) cho 01 tấn của từng vật nuôi được quy định tại phụ lục số 02 ban hành kèm theo quy định này.

+ P là trọng lượng vật nuôi (đơn vị là tấn).

**Điều 18. Hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn quy định**

1. Hình thức hỗ trợ đối với tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn thì chủ sở hữu tài sản không được bồi thường mà được hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời bằng tiền.

2. Mức hỗ trợ cụ thể do đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tổ chức lập dự toán chi phí hỗ trợ tháo dỡ, phá dỡ, di dời theo thực tế trình cơ quan chuyên môn có thẩm quyền theo phân cấp thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định. Mức hỗ trợ không vượt quá 50% chi phí thực tế tháo dỡ, phá dỡ, di dời.

Trường hợp công trình không còn sử dụng hoặc thực tế không sử dụng thì không được hỗ trợ.

**Điều 19. Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài phải di chuyển chỗ ở mà tự lo chỗ ở**

1. Đối với hộ gia đình, cá nhân có 04 nhân khẩu hoặc ít hơn và diện tích đất thu hồi nhỏ hơn 01 lần hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm thu hồi đất thì khoản tiền tự lo chỗ ở mới quy định:

a) Tại phường thuộc thành phố, thị xã được hỗ trợ bằng tiền để tự lo chỗ ở mới là 350 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân;

b) Tại các xã thuộc thành phố, thị xã và các thị trấn được hỗ trợ bằng tiền để tự lo chỗ ở mới là 300 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân;

c) Tại các xã còn lại được hỗ trợ bằng tiền để tự lo chỗ ở mới là 250 triệu đồng/ hộ gia đình, cá nhân.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân có 04 nhân khẩu hoặc ít hơn và diện tích đất thu hồi lớn hơn 01 lần hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm thu hồi đất thì khoản tiền tự lo chỗ ở mới quy định:

a) Tại phường thuộc thành phố, thị xã được hỗ trợ bằng tiền để tự lo chỗ ở mới là 400 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân;

b) Tại các xã thuộc thành phố, thị xã và các thị trấn được hỗ trợ bằng tiền để tự lo chỗ ở mới là 350 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân;

c) Tại các xã còn lại được hỗ trợ bằng tiền để tự lo chỗ ở mới là 300 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân.

3. Đối với hộ gia đình có từ 05 nhân khẩu trở lên, mỗi nhân khẩu tăng thêm được hỗ trợ bằng 0,2 lần mức hỗ trợ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Nhân khẩu được tính hỗ trợ là toàn bộ nhân khẩu trong hộ gia đình tại thời điểm họp công bố kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và được cơ quan Công an xác nhận tên từng thành viên trong giấy xác nhận thông tin về cư trú.

**Điều 20. Thời gian thực hiện các bước thủ tục cưỡng chế thực hiện quyết định thu đất do có nguy cơ đe dọa đến tính mạng con người**

1. Việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu đất do có nguy cơ đe dọa đến tính mạng con người phải đảm bảo các nguyên tắc, điều kiện tại khoản 1 và khoản 2 Điều 89 Luật Đất đai.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế.

Quyết định cưỡng chế phải được thi hành trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày người bị cưỡng chế nhận được quyết định cưỡng chế hoặc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản về việc người bị cưỡng chế vắng mặt hoặc người bị cưỡng chế từ chối nhận quyết định cưỡng chế, trừ trường hợp quyết định cưỡng chế quy định thời gian dài hơn.

3. Việc thực hiện quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất do có nguy cơ đe dọa đến tính mạng con người theo quy định tại khoản 4 Điều 89 Luật Đất đai. Ban cưỡng chế thu hồi đất vận động, thuyết phục, đối thoại với người bị cưỡng chế; nếu người bị cưỡng chế chấp hành thì Ban cưỡng chế thu hồi đất lập biên bản ghi nhận sự chấp hành. Việc bàn giao đất được thực hiện chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày lập biên bản.

**Điều 21. Hỗ trợ nhà, nhà ở, công trình xây dựng khác trên đất bị thu hồi**

1. Hỗ trợ nhà, công trình xây dựng khác tạo lập không hợp pháp trên đất ở thu hồi;

Trường hợp nhà, công trình xây dựng khác được tạo lập trên đất ở hợp pháp mà phải cấp Giấy phép xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng nhưng tại thời điểm họp công bố kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm

không có cấp Giấy phép xây dựng theo quy định, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền thì mức hỗ trợ bằng 100% giá trị nhà, công trình xây dựng khác.

2. Hỗ trợ nhà, công trình xây dựng tạo lập không hợp pháp trên đất bị thu hồi trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;

Trường hợp nhà, công trình xây dựng khác tạo lập không hợp pháp trên đất bị thu hồi được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền thì mức hỗ trợ như sau:

a) Nhà, công trình xây dựng khác tạo lập từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004: Bằng 80% giá trị bồi thường nhà, công trình xây dựng khác theo bộ đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường.

b) Nhà, công trình xây dựng khác tạo lập từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014: Bằng 60% giá trị bồi thường nhà, công trình xây dựng khác theo bộ đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường.

c) Nhà, công trình xây dựng khác tạo lập từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì không được hỗ trợ, người có tài sản phải tự tháo dỡ.

### 3. Hỗ trợ công trình trên đất nông nghiệp

a) Đối với các công trình xây dựng khác phục vụ đời sống sinh hoạt được xây dựng trên đất nông nghiệp liền kề với đất ở hoặc trong cùng khuôn viên khu đất ở của cùng chủ sử dụng đất mà có nhà ở xây dựng hợp pháp; đối với công trình xây dựng khác phục vụ vào mục đích sản xuất nông nghiệp trên đất bị thu hồi hình thành trước thời điểm Ủy ban nhân dân xã nơi có đất thu hồi tổ chức họp với người có đất thu hồi đất để phổ biến, tiếp nhận ý kiến, khi xây dựng không có văn bản xử lý vi phạm của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận công trình xây dựng với mục đích để phục vụ đời sống sinh hoạt và phục vụ sản xuất nông nghiệp thì thực hiện hỗ trợ đối với tài sản xây dựng trên đất, mức hỗ trợ bằng mức bồi thường.

b) Đối với các công trình xây dựng khác phục vụ đời sống sinh hoạt được xây dựng trên đất nông nghiệp hình thành cùng thời điểm với nhà ở xây dựng không hợp pháp thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.



### Chương III

#### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### **Điều 22. Trách nhiệm của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tư pháp và các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện các nội dung liên quan tại Quy định này; kịp thời đề xuất để giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn theo quy định của Luật Đất đai và quy định này; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc hoặc những nội dung mới phát sinh thì các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, người có đất thu hồi và các đối tượng khác có liên quan phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, giải quyết./.

**Phụ lục I**  
**TỶ LỆ QUY ĐỔI**

(Kèm theo Quy định Quyết định số **16** /2024/QĐ-UBND ngày **15** tháng **10** năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

-  $G_{th}$ : Giá đất tính tiền bồi thường đất cây lâu năm 26.000 đồng/m<sup>2</sup>; đất hàng năm khác 28.000 đồng/m<sup>2</sup>; đất lúa 38.000 đồng/m<sup>2</sup>; đất nuôi trồng thủy sản 33.000 đồng/m<sup>2</sup> (giá đất cụ thể để tính bồi thường thửa đất thu hồi). Cộng trung bình của 04 thửa đất thu hồi là  $(26.000 + 28.000 + 38.000 + 33.000)/4 = 31.250$  đồng/m<sup>2</sup> để quy đổi.

-  $G_{bt}$ : Giá đất của thửa đất để bồi thường bằng đất tính theo bảng giá đất là 700.000 đồng/m<sup>2</sup>.

$G_{bt}$	700.000	
$T_{qd} = \frac{G_{bt}}{G_{th}}$	$= \frac{700.000}{31.250}$	$= 22,4$
$G_{th}$	31.250	

Tức tỷ lệ 22,4:1 (22,4 mét vuông đất thu hồi đổi 01 mét vuông đất bồi thường bằng đất (đất quy đổi)).

**Phụ lục II****MỨC HỖ TRỢ VỚI TỪNG LOẠI VẬT NUÔI**

(Kèm theo Quy định Quyết định số **16** /2024/QĐ-UBND ngày **15** tháng **10** năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Loài vật nuôi	Chi phí hỗ trợ cho 01 tấn vật nuôi (N)			Tổng chi phí di dời vật nuôi (Đồng)
		Nhân công bắt giữ, bóc xép (Đồng)	Vật tư (Đồng)	Chi phí vận chuyển (Đồng)	
1	Trâu, bò, ngựa, dê	300.000	110.000	760.000	<b>1.170.000</b>
2	Lợn	350.000	200.000	760.000	<b>1.310.000</b>
3	Gia cầm	400.000	400.000	760.000	<b>1.560.000</b>
4	Vật nuôi khác	220.000	320.000	760.000	<b>1.300.000</b>